

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán thu – chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2023 của Trường Mầm non Hướng Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 3090/TB-TCKH ngày 27 tháng 10 của Phòng Tài chính kế hoạch về Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 của trường mầm non Hướng Dương;

Xét đề nghị của kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường Mầm non Hướng Dương (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được niêm yết tại bản tin Trường từ ngày 23/12/2024 đến ngày 30/12/2024

Điều 3. Tổ Kế toán - Văn thư và các Tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PTCKH;
- Lưu: VT, 2b.



Lê Thị Kim Loan

QUYẾT TOÁN THU- CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 577/ QĐ-MNHD ngày 23 tháng 12 năm 2024)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Tổng số thu	4.680,295	4.680,295		
1	Số thu phí tuyển dụng	3,500	3,500		
2	Thu sự nghiệp	1.891,936	1.891,936		
2.1	Thu học phí	439,294	439,294		
2.2	Thu thỏa thuận	1.452,642	1.452,642		
	Anh văn	216,840	216,840		
	Nhịp điệu	179,978	179,978		
	Học vẽ	179,978	179,978		
	Tổ chức phục vụ bán trú	1,267,138	1,267,138		
	Tiền công nhân viên nuôi dưỡng NQ04	370,882	370,882		
	Vệ sinh bán trú	43,853	43,853		
	Thiết bị, vật dụng bán trú	92,690	92,690		
	Công phục vụ ăn sáng	368,421	368,421		
2.3	Thu hộ	2.784,859	2.784,859		
	Tiền ăn trưa bán trú	1.969,301	1.969,301		
	Tiền ăn sáng	632,954	632,954		
	Nước uống	58,179	58,179		
	Học phẩm	21,150	21,150		
	Khám sức khỏe học sinh	10,075	10,075		
	Bảo hiểm tai nạn học sinh	18,000	18,000		
	Học cụ - vật liệu	72,500	72,500		
	Khen thưởng của UBND huyện	2,700	2,700		
	Khác (lãi ngân hàng +phí chuyển tài khoản lương)		-		
II	Chi từ nguồn thu được để lại	5.490,190	5.490,190		
1	Chi từ nguồn thu phí tuyển dụng được để lại				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

3	Chi hoạt động sự nghiệp	2.731,288	2.731,288		
3.1	Chi học phí	254,835	254,835		
3.2	Chi thỏa thuận	2.476,453	2.476,453		
	Anh văn	209,997	209,997		
	Nhập liệu	152,483	152,483		
	Học vẽ	166,983	166,983		
	Tổ chức phục vụ bán trú	1.181,655	1.181,655		
	Công phục vụ hè	-	-		
	Tiền công nhân viên nuôi dưỡng NQ04	308,965	308,965		
	Vệ sinh bán trú	41,372	41,372		
	Thiết bị, vật dụng bán trú	82,276	82,276		
	Công phục vụ ăn sáng	332,722	332,722		
3.3	Chi hộ	2.758,902	2.758,902		
	Tiền ăn trưa bán trú	1.953,793	1.953,793		
	Tiền ăn sáng	639,868	639,868		
	Nước uống	56,866	56,866		
	Học phẩm	17,049	17,049		
	Khám sức khỏe học sinh	0,050	0,050		
	Bảo hiểm tai nạn học sinh	18,000	18,000		
	Học cụ - vật liệu	70,576	70,576		
	Khen thưởng của UBND huyện	2,700	2,700		
	Khác (lãi ngân hàng +phí chuyển tài khoản lương)		-		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7.131,984	7.131,984		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.131,984	7.131,984		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.563,575	6.563,575		
	Nguồn 13	4.624,797	4.624,797		
6001	Lương theo ngạch bậc	1.526,683	1.526,683		
6101	Phụ cấp chức vụ	32,184	32,184		
6105	Phụ cấp thêm giờ	0,000	-		
6112	Phụ cấp ưu đãi	540,705	540,705		
6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo+PCTNVK	201,107	201,107		
6116	Hỗ trợ mầm non NQ01	399,002	399,002		
6301	Bảo hiểm xã hội	307,995	307,995		
6302	Bảo hiểm y tế	52,799	52,799		
6303	Kinh phí công đoàn	35,199	35,199		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	17,599	17,599		
6449	Chi khác (vùng sâu, NQ04)	501,270	501,270		
6501	Tiền điện	41,475	41,475		
6502	Tiền nước	148,542	148,542		
6551	Văn phòng phẩm	42,848	42,848		
6601	Cước phí điện thoại	0,305	0,305		
6605	Phí internet	2,490	2,490		
6618	Khoản điện thoại	8,400	8,400		
6704	Khoản công tác phí	15,600	15,600		
6754	Thuê thiết bị các loại (thuê máy photo)	9,900	9,900		
6757	Thuê lao động trong nước	167,767	167,767		
6799	Chi phí thuê mướn khác	167,904	167,904		



7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	2,000	2,000		
7951	Quỹ bổ sung thu nhập	272,721	272,721		
7952	Chi lập quỹ phúc lợi	80,000	80,000		
7953	Chi lập quỹ khen thưởng	10,000	10,000		
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	40,302	40,302		
	Nguồn 14	1.938,778	1.938,778		
6001	Lương theo ngạch bậc	159,262	159,262		
6101	Phụ cấp chức vụ	3,348	3,348		
6112	Phụ cấp ưu đãi	55,641	55,641		
6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo+PCTNVK	21,438	21,438		
6116	Hỗ trợ mầm non NQ01	41,073	41,073		
6301	Bảo hiểm xã hội	32,208	32,208		
6302	Bảo hiểm y tế	5,521	5,521		
6303	Kinh phí công đoàn	3,680	3,680		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	1,840	1,840		
6449	Chi khác chi nghị quyết 03	1.614,767	1.614,767		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	568,409	568,409		
	Nguồn 12	568,409	568,409		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	2,850	2,850		
6199	Các khoản hỗ trợ khác	12,000	12,000		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	298,351	298,351		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	8,644	8,644		
6449	Chi khác	66,600	66,600		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ	65,000	65,000		
6999	Tài sản và thiết bị khác	30,000	30,000		
7766	Cấp bù học phí cho CSGDĐT theo chế độ	84,964	84,964		

Ngày 23 tháng 12 năm 2024

Kế toán

(Chữ ký)

Lê Thị Yến Nhi

Hiệu trưởng



Lê Thị Kim Loan